

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-ST

Ngày: 21-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và ông Nguyễn Trọng Thanh.

- T1 ký Tòa án: Bà Hoàng Thị Thuỷ - T1 ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2022 tại nhà văn hoá thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 04/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 07/7/2022, đối với bị cáo:

- **PHẠM VĂN P**, sinh năm 1989 tại tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn C, xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị L; vợ là Nguyễn Thị H và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Bùi Văn Q sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn Đ1, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn T1; bà Nguyễn Thị Th, chị Phạm Thị L1 (có mặt). Anh Nguyễn Văn K; anh Nguyễn Quang H1; ông Nguyễn Đức H2, cháu Bùi Văn L2 đều vắng mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu L2: Anh Bùi Văn Q sinh năm 1982, chị Phạm Thị L1 sinh năm 1981, là bố mẹ của cháu L2, địa chỉ: Thôn Đ1, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn P gọi anh Bùi Văn Q là anh rể. Tối ngày 07/02/2022 vợ chồng anh Bùi Văn Q, chị Phạm Thị L1 (chị gái P) xảy ra va chạm cãi vã, nên bà Nguyễn Thị

Th (mẹ anh Q) gọi điện thoại cho Phạm Văn P, Phạm Văn T1 (em trai chị L1, gọi anh Q là anh rể) đến để can ngăn, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô bảo T1 (em trai P) đi cùng, đến nhà anh Q, chị L1 ở thôn Đ1, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, khi đi P mang theo một tuýp sắt dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 0,2cm. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày (07/02/2022), P, T1 đến nhà anh Q, lúc này chị L1 không có nhà, P nhìn thấy tại sân nhà văn hoá thôn Đ1, xã T1 (trước cửa nhà anh Q) thấy anh Q đang giằng co với bà Th, P chạy đến đứng đối diện, cách khoảng 01m, tay phải cầm tuýp sắt vụt theo chiều từ trên xuống dưới 02 phát vào đầu, 01 phát vào cẳng chân trái của anh Q. Hậu quả làm anh Q bị tổn thương cơ thể 4%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 45/TgT ngày 13/6/2022 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Hải Dương kết luận: 03 sẹo vết thương phần mềm vùng đầu ở đỉnh trái, thái dương trái, mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân trái kích thước trung bình và nhỏ. Các tổn thương của anh Q có đặc điểm do vật tày gây ra, anh Q bị người khác dùng thanh tuýp sắt như Công an mô tả đánh gây ra là phù hợp. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 4%.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 01/7/2022 VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố đối với Phạm Văn P theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại anh Q đề nghị về trách nhiệm hình sự, dân sự giải quyết theo pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo P phạm tội Cố ý gây thương tích; áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 590 và Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản gồm: Tiền thuê xe ô tô đi cấp cứu và về nhà; tiền viện phí; tiền bồi dưỡng sức khỏe; tiền ngày công không lao động được của anh Q; tiền ngày công người chăm sóc anh Q trong thời gian anh Q điều trị tại cơ sở y tế; tiền tổn thất về tinh thần, tổng cộng các khoản 10.000.000đ đến 12.000.000đ. Về vật chứng không phải đặt ra để giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên; VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã

thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về chứng cứ xác định bị cáo Phạm Văn P có tội và áp dụng điều luật: Lời khai nhận của bị cáo P tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai nhận của bị hại, những người tham gia tố tụng khác, biên bản khám nghiệm hiện trường, hồ sơ bệnh án, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 07/02/2022 tại khu vực sân nhà văn hoá thôn Đ1, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương do bức tức vô cớ nên Phạm Văn P đã có hành vi dùng tuýp sắt dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 0,2cm, vụt theo chiều từ trên xuống dưới hai phát vào đầu, một phát vào cẳng chân trái của anh Q, làm anh Q bị tổn thương cơ thể 4%.

Xét bị cáo P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ sức khỏe của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ nhưng chỉ vì bức tức vô cớ, bị cáo đã cố ý dùng tuýp sắt dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 0,2cm, gây thương tích và làm anh Q bị tổn thương cơ thể 4%, vì vậy hành vi của Phạm Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích được quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, mặc dù P chỉ gây thương tích cho anh Q tỷ lệ 4% nhưng bị cáo sử dụng tuýp sắt để gây thương tích, được xác định là “dùng hung khí nguy hiểm”; mặt khác giữa bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn, thù oán gì với nhau nhưng chỉ vì bức tức vô cớ, bị cáo đã cố ý gây tổn thương cơ thể anh Q, nên hành vi gây thương tích của P cho anh Q thuộc trường hợp phạm tội “có tính chất côn đồ”, được quy định tại điểm a, i khoản 1 điều 134 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: HĐXX xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn (4%) và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. HĐXX thấy rằng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình, xã hội và phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị cáo P gây thương tích, anh Q phải đi cấp cứu, điều trị tại Trung tâm y tế huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 ra viện, tổng số ngày

điều trị nội viện là 04 ngày. Xem xét yêu cầu bồi thường của anh Q thì thấy: Trong quá trình điều trị tại cơ sở y tế, anh Q phải nộp các khoản tiền, gồm: Tiền viện phí, tiền chi phí điều trị nội trú tại Trung tâm y tế huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là 209.000đ + 1.515.285đ; chi phí viện phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương là 1.005.000đ (có hóa đơn, bảng kê kèm theo), nên bị cáo phải bồi thường khoản tiền này. Đối với khoản tiền thuê xe ô tô đưa anh Q đến cơ sở y tế và đưa về nhà sau điều trị tổng cộng là 850.000đ, tiền chi phí xét nghiệm Covid19 hết 240.000đ, mặc dù khoản tiền này không có hóa đơn nhưng đây là khoản chi phí hợp lý nên được chấp nhận. Đối với khoản tiền ngày công anh Q bị mất thu nhập cũng như ngày công người trông nom, nuôi dưỡng anh Q trong thời gian anh Q điều trị tại cơ sở y tế là 04 ngày (08/02/2022 đến ngày 11/02/2022), HĐXX thấy rằng trước khi bị thương tích, anh Q là thợ xây, mức thu nhập trung bình khoảng 300.000đ/ngày, anh Q phải điều trị nội viện 04 ngày, sau khi ra viện anh Q cho rằng phải nghỉ ngơi không lao động được trong khoảng thời gian là hai tháng, mới đi làm được để yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất. Căn cứ hồ sơ bệnh án, thể hiện anh Q ra viện trong tình trạng khỏi và giấy ra viện do Trung tâm y tế huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cấp, không có chỉ định tái khám, mặt khác thương tích của anh Q chỉ có 4%, nên không có căn cứ chấp nhận việc anh Q yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong thời gian từ khi bị thương tích đến khi đi làm, mà chỉ có căn cứ chấp nhận thời gian anh Q điều trị nội viện là 04 ngày như theo mức thu nhập bình quân tại xã T1 là 300.000đ/ngày x 04 ngày bằng 1.200.000đ. Trong thời gian anh Q điều trị tại cơ sở y tế, chị L1 (vợ anh Q) là người chăm sóc, chị L1 là lao động tự do, mức thu nhập trung bình khoảng 250.000đ/ngày, phù hợp với mức lao động bình quân trên địa bàn xã T1, nên bị cáo phải bồi thường thu nhập bị mất của người chăm sóc anh Q trong thời gian điều trị, là 1.000.000đ. Ngoài ra bị cáo P phải bồi thường khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau thương tích cũng như tổn thất về tinh thần cho anh Q tương đương khoảng 04 tháng lương cơ sở (1.490.000đ) bằng 5.960.000đ. Tổng số tiền, bị cáo P phải bồi thường cho anh Q là 11.979.000đ (đã làm tròn số).

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với tuýp sắt dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 0,2cm, sau khi gây thương tích cho anh Q, bị cáo P đã vứt đi, đến nay không xác định được địa điểm. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng, nhưng không thu giữ được nên không đặt ra để xử lý. Đối với một thẻ nhớ ghi âm, được lưu giữ tại hồ sơ vụ án, xét đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án, vì vậy tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo P phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Do phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên bị cáo P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về các vấn đề khác đối với vụ án:

Về việc anh Q xác định ngoài bị cáo P là người gây thương tích cho anh, thì còn có anh T1 có hành vi ôm, đè anh xuống sân nhà văn hoá thôn Đ1, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tạo điều kiện để bị cáo P dùng tay phải cầm tuýp sắt vụt

01 phát vào cẳng chân trái của anh Q. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, xác định anh T1 có hành động ôm anh Q để cản ngăn, đẩy anh Q vào trong nhà, mục đích không để bị cáo P đánh anh Q; mặt khác anh T1 không có lời nói, hành động, hay bàn bạc gì với bị cáo P về việc gây thương tích cho anh Q. Vì vậy, không đặt ra để xử lý đối với anh T1 là đúng pháp luật.

Về việc anh Q khai nhận, khi bị P đánh, P có dùng tuýp sắt vụt vào chiếc điện thoại nhãn hiệu Zano để trong túi quần đang mặc, làm hư hỏng điện thoại. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chính lời khai của anh Q, thì chỉ có căn cứ xác định bị cáo dùng tuýp sắt gây thương tích cho anh Q 02 phát vào đầu, 01 phát vào cẳng chân trái của anh Q; bị cáo P không dùng tuýp sắt đập vào vị trí để điện thoại trong túi quần anh Q đang mặc; mặt khác ngoài lời khai thì anh Q không còn có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, vì vậy không có căn cứ để xác định P làm hư hỏng chiếc điện thoại nhãn hiệu Zano, như lời trình bày của anh Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội Cố ý gây thương tích.
2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 590 và Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn P phải bồi thường các khoản tiền cho anh Bùi Văn Q, gồm: Tiền viện phí, tiền chi phí điều trị nội trú tại Trung tâm y tế huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là 209.000đ + 1.515.285đ; tiền chi phí viện phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương là 1.005.000đ; tiền thuê xe ô tô đến cơ sở y tế và đưa về nhà sau điều trị là 850.000đ; tiền chi phí xét nghiệm Covid19 240.000đ; Tiền thu nhập thực tế bị mất 04 ngày x 300.000đ/ngày bằng 1.200.000đ; Tiền ngày công thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc 04 ngày x 250.000đ/ngày bằng 1.000.000đ; Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau thương tích cũng như tổn thất về tinh thần 04 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ bằng 5.960.000đ. Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn P phải bồi thường cho anh Bùi Văn Q là 11.979.000đ (đã làm tròn số).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ một thẻ nhớ ghi âm, được niêm P trong một bì thư dán kín.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo P phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và 599.000đ (đã làm tròn số) án phí sơ thẩm dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA